

Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc- CTCP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010 (trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	212,927,417,108	523,411,898,958
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	24.1	212,927,417,108	523,411,898,958
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	25	101,960,503,267	177,809,108,613
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10- 11)		110,966,913,841	345,602,790,345
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	99,742,613,900	36,734,856,646
22	7. Chi phí tài chính	26	74,576,946,288	42,891,254,282
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		67,762,882,737	39,363,206,089
24	8. Chi phí bán hàng		6,640,824,615	3,239,257,744
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		34,082,910,138	19,148,277,321
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22)-(24+25)}		95,408,846,700	317,058,857,645
31	11. Thu nhập khác	27	0	245,171
32	12. Chi phí khác	27		328
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31- 32)	27	0	244,843
45	14. Phần (lỗ)/lãi từ công ty liên kết		-2,531,197,840	-210,202,905
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)		92,877,648,860	316,848,899,582
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	23,859,087,778	67,788,140,583
52	17. (Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	28.3	1,578,616,035	
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN hoãn lại		70,597,177,117	249,060,758,999
61	18.1 Lợi ích của các cổ đông thiểu số	31	19,358,467,291	-3,256,439,295
62	18.2 Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		51,238,709,827	252,317,198,294
80	19. Lãi trên cổ phiếu			
	- Lãi cơ bản	30		
	- Lãi suy giảm			

Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 5 năm 2011



Đặng Thành Tâm
Tổng Giám đốc